

Bản án số: **48/2020/HNGĐ-ST**  
Ngày: 14-9-2020  
“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Bàng
2. Bà Trần Thị Mộng Lành

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Quốc Sang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị L, sinh năm 1985 (có mặt);  
Địa chỉ: Kp KB, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh Kiên Giang.
2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1979 (vắng mặt);  
Địa chỉ: ấp L3, xã HY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong đơn khởi kiện ngày 19/02/2020 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày và yêu cầu như sau:*

Chị và anh Nguyễn Văn Đ chung sống với nhau vào năm 2006, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang vào

ngày 15/9/2006 theo quy định của pháp luật. Thời gian chung sống, anh chị có 02 người con chung tên Phạm Chí T, sinh ngày 25/02/2000 và Nguyễn Thị Bé T1, sinh ngày 10/8/2001 hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản và nợ chung chị xác định không có. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi do anh Đ thường xuyên nhậu nhẹt, chơi bời, chị đã khuyên ngăn anh Nguyễn Văn Đ rất nhiều lần nhưng anh vẫn tính nết nào tật nấy và không thay đổi nên dẫn đến đời sống chung không còn hạnh phúc và anh chị đã sống ly thân từ tháng 6/2018 đến nay anh Nguyễn Văn Đ về làm ăn sinh sống tại ấp L3, xã HY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang. Chị thấy, chị và anh Nguyễn Văn Đ không thể hàn gắn với nhau được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Về quan hệ hôn nhân, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ; về quan hệ con chung, hiện các con đã đủ tuổi trưởng thành và có gia đình riêng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung và nợ, chị xác định chị và anh Nguyễn Văn Đ không có tài sản chung và không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị, không yêu cầu giải quyết.

*\* Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh Nguyễn Văn Đ nhưng anh Nguyễn Văn Đ không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

*\* Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:* Giấy chứng minh nhân dân tên Phạm Thị L, Sổ hộ khẩu; Giấy chứng nhận kết hôn Phạm Thị L và Nguyễn Văn Đ; Giấy khai sinh tên Nguyễn Thị Bé T1 và Nguyễn Chí T; Biên bản xác minh ngày 25/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện An Biên.

*\* Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị Phạm Thị L yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ. Về quan hệ con chung, chị và anh Nguyễn Văn Đ có 02 người con chung tên Phạm Chí T, sinh ngày 25/02/2000 và Nguyễn Thị Bé T1, sinh ngày 10/8/2001 hiện đã trưởng thành có gia đình nên chị không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ, chị cam kết, chị và anh Nguyễn Văn Đ không có tài sản chung, không có nợ người khác và người khác không có nợ anh chị nên chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 51, Điều 68, các Điều 208, 209, 210, 211, 239 và Điều 247 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của chị L yêu cầu được ly hôn với anh Đ, quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, anh Đ thường xuyên đi nhậu, chơi bời, chị đã khuyên ngăn rất nhiều lần nhưng anh Đ vẫn tính nết nào tặc nấy và không thay đổi nên dẫn đến đời sống chung không còn hạnh phúc và anh chị đã sống ly thân từ tháng 6/2018 đến nay là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 và Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về quan hệ con chung, hiện nay các con của anh chị đã đủ tuổi trưởng thành và có gia đình riêng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, về tài sản chung và nợ, chị xác định chị và anh Đ không có tài sản chung và không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và chị không yêu cầu giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Phạm Thị L yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn Đ. Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ cư trú tại: ấp L3, xã HY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn Đ biết và ấn định thời gian để anh Đ có ý kiến về việc chị Phạm Thị L khởi kiện đối với anh Đ nhưng anh Đ không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích

hợp pháp của mình. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Đ vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 206 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Đ nhưng anh Đ vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Đồng thời, tại phiên tòa lần thứ hai chị L không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Đ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Văn Đ chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân xã HY, huyện An Biên nơi một trong các bên anh chị cư trú*) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 80, quyền số: 01/2006, ngày 15 tháng 9 năm 2006, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, nay là Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của Phạm Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ, thời gian anh chị chung sống anh Đ thường xuyên đi nhậu, chơi bời, chị đã khuyên ngăn rất nhiều lần nhưng anh Đ vẫn tính nết tật nấy và không thay đổi nên dẫn đến đời sống chung không còn hạnh phúc và anh chị đã sống ly thân từ tháng 6/2018 đến nay; anh Đ không ý kiến và yêu cầu gì. Hội đồng xét xử thấy rằng, chị L và anh Đ chung sống với nhau xảy ra mâu thuẫn dẫn đến anh chị ly thân với nhau mà anh chị không có cách hàn gắn nên vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau thời gian dài từ tháng 6/2018 đến nay là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, hôn nhân đã lâm vào trầm trọng. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị L cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Đ nên đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Văn Đ có 02 người con chung tên Phạm Chí T, sinh ngày 25/02/2000 và Nguyễn Thị Bé T1, sinh ngày 10/8/2001 hiện đã trưởng thành có gia đình nên. Khi ly hôn chị L không yêu

cầu giải quyết, anh Nguyễn Văn Đ không có ý kiến và yêu cầu gì nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, chị L xác định, chị và anh Nguyễn Văn Đ không có tài sản chung, không nợ người khác, người khác không nợ anh chị và chị L không yêu cầu giải quyết, anh Nguyễn Văn Đ không có ý kiến và yêu cầu gì nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được trừ vào số tiền đã tạm ứng án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 206, khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về quan hệ con chung: Hiện nay các con chung của anh chị đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ: Chị L xác định, chị và anh Đ không có tài sản chung, không nợ người khác, người khác không nợ anh chị và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

4. Về án phí: Buộc chị Phạm Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là

300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008585 ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Phạm Thị L đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 14/9/2020. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- UBND xã HY, An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP (Sang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Thảo**